

riêng cho PAPP-A khi thực hiện trên các hệ thống khác nhau làm cơ sở tính giá trị bội số trung vị MoM cho từng thai phụ. Không thể dùng giá trị nồng độ PAPP-A được đo từ hệ thống máy này để tính toán nguy cơ trên phần mềm cho hệ thống máy khác vì điều này chắc chắn dẫn đến đánh giá sai nguy cơ bệnh sau cùng.

4.4. Về tương quan kết quả giữa hai hệ thống xét nghiệm. Nồng độ PAPP-A trên hai máy theo ngày thai có sự tương quan rất thấp ($r = 0,06$), như vậy có sự khác biệt rõ rệt về nồng độ PAPP-A khi định lượng bằng hai kỹ thuật khác nhau. Ngoài việc cần thiết xác định giá trị trung vị cho hai hệ thống máy thì cũng có nghiên cứu cũng đề cập đến giá trị trung vị PAPP-A theo chủng tộc⁽⁵⁾, nghiên cứu này bước đầu cung cấp những thông tin về sự khác biệt nồng độ PAPP-A trên hai hệ thống máy xét nghiệm trên dân số thai phụ Việt Nam.

V. KẾT LUẬN

Giá trị trung vị nồng độ PAPP-A tăng dần từ tuần thứ 11 đến 13 thai kỳ. Giá trị trung vị và trung bình của PAPP-A có sự khác biệt đáng kể khi xác định trên hai hệ thống thiết bị xét nghiệm Immulite 2000 và BRAHMS plus KRYPTOR. Cần thiết lập các giá trị trung vị trên hai hệ thống cho người thai phụ Việt Nam theo tuần thai để làm căn cứ tính nguy cơ tiền sản giật và hội chứng trisomy chính xác.

VI. LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi xin cảm ơn Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh đã tài trợ kinh phí cho nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Papamichail M, Fasoulakis Z, Daskalakis G, Theodora M, Rodolakis A, Antsaklis P.** Importance of Low Pregnancy Associated Plasma Protein-A (PAPP-A) Levels During the First Trimester as a Predicting Factor for Adverse Pregnancy Outcomes: A Prospective Cohort Study of 2636 Pregnant Women. *Cureus*. 2022;14(11):5-13. doi:10.7759/cureus.31256
- Kor-Anantakul O, Suntharasaj T, Suwanrath C, et al.** Normative weight-adjusted models for the median levels of first-trimester serum biomarkers for trisomy 21 screening in a specific ethnicity. *PLoS One*. 2017;12(8):1-9. doi:10.1371/journal.pone.0182538.
- Lê Thị Mai Dung, Phạm Thị Mai, Lê Thị Mỹ Ngọc.** Khảo sát nồng độ PAPP-A, free - β hCG ở phụ nữ có thai từ 11 đến 13 tuần 6 ngày ứng dụng sàng lọc trước sinh hội chứng Down. *Tạp chí Y Học Thành Phố Hồ Chí Minh*, 2012, 16(4), 146-151.
- Nguyễn Thị Hương Xuân TNT.** Xác định trung vị của các Biomarker trong tầm soát lệch bội quy 1 thai kỳ tại bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh. *Tạp chí Y học TP Hồ Chí Minh*. 2021;(508).
- Joyce L Browne, Kerstin Klipstein-Grobusch, Maria P H Koster.** Pregnancy Associated Plasma Protein-A and Placental Growth Factor in a Sub-Saharan African Population: A Nested Cross-Sectional Study. Published online 2016 Aug 17. doi: 10.1371/journal.pone.0159592

MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY LÂM SÀNG CỦA GIÁNG VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Lý Công Hiếu¹, Hà Thị Như Xuân²

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Giảng viên hướng dẫn lâm sàng đóng vai trò cốt lõi trong việc tạo nên chất lượng của hoạt động học tập lâm sàng nói riêng và chất lượng đào tạo của ngành học nói chung. **Mục tiêu:** Xác định mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động lâm sàng của giảng viên và xác định các yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp:** Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang tiến hành trên 241

sinh viên cử nhân điều dưỡng chính quy năm 3 và năm 4 của trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch năm 2023. Mức độ hài lòng được đánh giá bằng bộ câu hỏi Nursing Clinical Facilitators Questionnaire (NCFQ). **Kết quả:** Thông qua bộ câu hỏi về mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động lâm sàng của giảng viên với điểm trung bình là $4,11 \pm 0,43$ điểm. Các yếu tố về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên liên quan đến sự hài lòng là năm học, tuổi, chuyên ngành, số lượng sinh viên mỗi đợt thực tập, số lần giảng dạy trực tiếp. **Kết luận:** Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên là khá cao. Năm học, tuổi, chuyên ngành, số lượng sinh viên mỗi đợt thực tập, số lần giảng dạy trực tiếp có mối liên quan đến sự hài lòng. Cần cải thiện các hoạt động giảng dạy lâm sàng để nâng cao hơn nữa sự hài lòng của sinh viên với giảng viên lâm sàng.

¹Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch

²Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Hà Thị Như Xuân

Email: xuanha@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 5.7.2023

Ngày phản biện khoa học: 21.8.2023

Ngày duyệt bài: 12.9.2023

Từ khóa: Sinh viên điều dưỡng, Giảng viên hướng dẫn lâm sàng, Mức độ hài lòng với giảng viên hướng dẫn lâm sàng.

SUMMARY

SATISFACTION OF NURSING STUDENTS WITH CLINICAL TEACHING ACTIVITIES OF LECTURERS AT PHAM NGOC THACH UNIVERSITY OF MEDICINE

Background: Clinical instructors play a core role in creating the quality of clinical learning and the training quality of the discipline in general. **Objectives:** Determine nursing students' satisfaction with clinical teaching activities of lectures and identify relevant factors. **Method:** The cross-sectional descriptive research method will be conducted on 241 bachelor of nursing students in years 3 and 4 of Pham Ngoc Thach University of Medicine in 2023. Satisfaction was assessed using the Nursing Clinical Facilitators Questionnaire (NCFQ). **Results:** 214 students participated in the study; the results show that nursing students' satisfaction with the clinical teaching activities of lecturers score 4.11 ± 0.43 points on average. The factors of clinical teaching activities of faculty related to satisfaction are year of study, age, major, number of students per internship, number of face-to-face teaching sessions. **Conclusions:** The satisfaction of nursing students with clinical teaching activities of lecturers is quite high. Year of study, age, major, number of students per internship, number of face-to-face teaching sessions are related to satisfaction. There is a need to improve clinical teaching activities to further enhance student satisfaction with clinical lecturers.

Keywords: Nursing student, Clinical lecturer, Satisfaction with clinical teaching activities of lecturer.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giảng viên hướng dẫn lâm sàng đóng vai trò cốt lõi trong việc tạo nên chất lượng của hoạt động học tập lâm sàng nói riêng và chất lượng đào tạo của ngành học nói chung với vai trò giám sát và giảng dạy trực tiếp trên lâm sàng^(1,6,7). Thiết lập mối quan hệ phù hợp giữa giảng viên và sinh viên có thể dẫn đến tăng sự tự tin và động lực ở sinh viên. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên và các yếu tố liên quan ảnh hưởng mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng^(2,3,4,5).

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thời gian, địa điểm nghiên cứu. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 12/2022 đến 06/2023 tại trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch.

Đối tượng nghiên cứu. Sinh viên điều dưỡng chính quy và các chuyên ngành năm 3 và năm 4 trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Tiêu chuẩn lựa chọn. Sinh viên điều dưỡng đa khoa và các chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Phục hồi chức năng, Cấp cứu ngoài viện năm 3 và năm 4 đang học tập tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch trong giai đoạn thu thập số liệu đồng ý tham gia.

Tiêu chuẩn loại trừ. Các sinh viên lớp cử nhân Điều dưỡng và các chuyên ngành năm 3, năm 4 đồng ý tham gia nhưng đến ngày hẹn thì không có mặt. Những bộ câu hỏi không được hoàn thành đầy đủ.

Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu. Nghiên cứu cắt ngang mô tả

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu. Chọn mẫu toàn bộ (N=241 sinh viên)

Quy trình thu thập. Người nghiên cứu liên hệ cố vấn học tập của khóa Điều dưỡng đa khoa và các chuyên ngành năm 3 và năm 4, qua đó thông báo đến các sinh viên.

Nghiên cứu viên sẽ gặp gỡ, tiếp xúc với đối tượng nghiên cứu (sinh viên) vào thời gian thuận tiện và địa điểm thuận tiện, trình bày và giải thích mục tiêu, quy trình nghiên cứu và mời tham gia nghiên cứu.

Nếu chấp thuận tham gia nghiên cứu thì đối tượng nghiên cứu sẽ được yêu cầu ký vào giấy đồng thuận tham gia nghiên cứu.

Nghiên cứu viên phát bộ câu hỏi, giải thích và hướng dẫn đối tượng nghiên cứu trả lời câu hỏi, thời gian làm bộ câu hỏi khoảng 10-15 phút.

Thu lại bộ câu hỏi và lưu trữ phiếu khảo sát. Kiểm tra lại số lượng phiếu điều tra để lưu trữ và tổng hợp số liệu. Sau khi kiểm tra, tiến hành nhập, xử lý và phân tích số liệu.

Công cụ thu thập số liệu

Công cụ thu thập số liệu gồm 2 phần:

- Phần 1: Thu thập thông tin cá nhân (9 câu).

- Phần 2: Xác định mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động lâm sàng của giảng viên gồm 25 câu hỏi được thiết kế sẵn bởi tác giả Võ Thị Ngọc Hà (2021) với hệ số tin cậy Cronbach's Alpha là 0,905⁽⁸⁾. Mức độ hài lòng được đánh giá bằng thang điểm Likert 1 đến 5 điểm, tương ứng với "điểm 1 (Rất không hài lòng), 2 (Không hài lòng), 3 (Không ý kiến), 4 (Hài lòng), 5 (Rất hài lòng)". Điểm trung bình càng cao tương ứng với sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên càng cao.

Thông kê và xử lý số liệu. Các số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 16. Biến định tính được biểu hiện bằng tần số và tỷ lệ %. Biến định lượng được biểu hiện bằng số trung bình,

độ lệch chuẩn, giá trị lớn nhất-giá trị nhỏ nhất. Kiểm định T-test, ANOVA được sử dụng để xác định mối liên quan giữa các biến độc lập và phụ thuộc. Mức ý nghĩa thống kê được sử dụng là $p < 0,05$.

Y đức. Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch, số 855/TĐHYKPNT-HĐĐĐ kí ngày 20/04/2023.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được thực hiện trên 241 sinh viên điều dưỡng đa khoa và các chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Phục hồi chức năng, cấp cứu ngoài viện cả 2 khóa năm 3 và năm 4 đang học tập tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 2: Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (N=241)

Đặc điểm		Điểm trung bình ± Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất – Giá trị lớn nhất
Tuổi		21,44 ± 0,53	21 – 23
Đặc điểm		Tần số	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	37	15,4
	Nữ	204	84,6
Năm học	Năm 3	144	59,8
	Năm 4	97	40,2
Học lực	Yếu	0	0
	Trung bình	47	19,5
	Khá	176	73
Chuyên ngành	Giỏi	18	7,5
	Điều dưỡng đa khoa	101	41,9
	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	55	22,8
	Điều dưỡng Hộ sinh	42	17,4
Số lượng sinh viên thực tập	Điều dưỡng Phục hồi chức năng	28	11,6
	Điều dưỡng Cấp cứu ngoài viện	15	6,2
	4-5 sinh viên	44	18,3
Số lần giảng dạy trực tiếp	6-8 sinh viên	48	19,9
	>8 sinh viên	149	61,8
	1 lần	53	22
Việc thực hiện hướng dẫn	2 lần	9	3,7
	>2 lần	179	74,3
	Giảng viên hướng dẫn theo từng cá nhân	43	17,8
Lịch học	Giảng viên hướng dẫn theo nhóm	198	82,2
	Có	241	100
		Không	0

Kết quả bảng 1 cho thấy độ tuổi thấp nhất trong nghiên cứu này là 21 tuổi, cao nhất là 23 tuổi, độ tuổi trung bình là 21,44 ± 0,53. Nữ chiếm tỷ lệ cao hơn nam, lần lượt là 84,6% và 15,4%. Tỷ lệ sinh viên năm 3 là 59,8%, còn năm 4 là 40,2%. Tỷ lệ sinh viên có học lực ở học kỳ trước cao nhất là học lực khá chiếm 73%, thấp hơn lần lượt là học lực trung bình chiếm 19,5%, học lực giỏi chiếm 7,5% và không có học lực yếu. Trong nghiên cứu có tỷ lệ sinh viên điều dưỡng đa khoa tham gia là nhiều nhất với 41,9%, xếp sau là sinh viên điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức với tỷ lệ là 22,8%, sinh viên điều dưỡng chuyên ngành Hộ sinh là 17,4%, sinh viên điều dưỡng chuyên ngành Phục hồi chức năng là 11,6%, sinh viên điều dưỡng

chuyên ngành Cấp cứu ngoài viện là 6,2%. Tỷ lệ số lượng sinh viên tham gia thực tập trên 8 sinh viên chiếm phần trăm cao nhất (81,6%), số lượng 6-8 sinh viên (19,9%) và thấp nhất là số lượng 4-5 sinh viên (18,3%). Số lần giảng dạy trực tiếp của giảng viên lâm sàng có tỷ lệ cao nhất là trên 2 lần chiếm 74,3%, tiếp theo là giảng dạy 1 lần (22%), thấp nhất là giảng dạy 2 lần (3,7%). Việc hướng dẫn của giảng viên thì tỷ lệ giảng viên hướng dẫn theo nhóm là 82,2% cao hơn nhiều so với giảng viên hướng dẫn theo cá nhân (17,8%). Tất cả sinh viên tham gia khảo sát đều có lịch học lâm sàng (100%).

Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên

Bảng 3: Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên (N=241)

Đặc điểm	Điểm trung bình \pm Độ lệch chuẩn
Mức độ hài lòng	4,11 \pm 0,43

Dựa vào kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy điểm trung bình mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch là 4,11 \pm 0,43 điểm, số điểm trung bình đạt được ở mức khá cao.

Mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên

Bảng 4: Một số yếu tố liên quan ảnh**Bảng 5: Một số yếu tố liên quan ảnh hưởng tới mức độ hài lòng (N=241)**

		N	Mean \pm SD	p**
Học lực ở học kỳ trước	Trung bình	47	4,00 \pm 0,42	0,186
	Khá	176	4,13 \pm 0,43	
	Giỏi	18	4,10 \pm 0,46	
Chuyên ngành điều dưỡng	Đa khoa	101	4,25 \pm 0,40	0,000
	Gây mê hồi sức	55	4,02 \pm 0,41	
	Hộ sinh	42	4,02 \pm 0,40	
	Phục hồi chức năng	28	3,87 \pm 0,41	
	Cấp cứu ngoài viện	15	4,13 \pm 0,52	
Số lượng sinh viên mỗi đợt thực tập	4-5 sinh viên	44	3,97 \pm 0,38	0,004
	6-8 sinh viên	48	4,01 \pm 0,54	
	>8 sinh viên	149	4,18 \pm 0,39	
Số lần giảng dạy trực tiếp của giảng viên lâm sàng	1 lần	53	3,93 \pm 0,48	0,002
	2 lần	9	4,23 \pm 0,31	
	>2 lần	179	4,15 \pm 0,41	

Kết quả bảng 4 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên với biến chuyên ngành, số lượng sinh viên mỗi đợt thực tập, số lần giảng dạy trực tiếp ($p < 0,05$).

IV. KẾT LUẬN

Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên ở sinh viên năm 3 và năm 4 đạt điểm trung bình là 4,11 \pm 0,43 điểm. Trong đó mức độ hài lòng về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên đối với sinh viên điều dưỡng năm 3 là cao hơn so với sinh viên điều dưỡng năm 4. Trong nghiên cứu có mối liên quan giữa tuổi và mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên. Trong nghiên cứu cũng tồn tại mối liên quan giữa mức độ hài lòng với số lượng sinh viên mỗi đợt thực tập. Kết quả nghiên

hướng tới mức độ hài lòng (N=241)

		N	Mean \pm SD	p*
Tuổi		241	21,44 \pm 0,53	0,000
	Giới tính			0,477
	Nam	37	4,06 \pm 0,49	0,477
	Nữ	204	4,11 \pm 0,42	
Năm học	Năm 3	144	4,18 \pm 0,41	0,002
	Năm 4	97	4,00 \pm 0,45	
Việc hướng dẫn của giảng viên lâm sàng	Cá nhân	43	4,16 \pm 0,48	0,402
	Nhóm	198	4,10 \pm 0,42	

*Kiểm định T-test

Kết quả bảng 3 cho thấy có sự khác biệt giữa mức độ hài lòng của sinh viên với biến năm học khi sinh viên năm 3 hài lòng hơn sinh viên năm 4. Cũng có mối tương quan giữa tuổi và mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động lâm sàng của giảng viên ($p < 0,005$)

**Kiểm định ANOVA

cứu cũng tìm thấy sự khác biệt giữa mức độ hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên với biến chuyên ngành, số lần giảng dạy trực tiếp của giảng viên lâm sàng với mức độ hài lòng ($p < 0,05$).

V. KIẾN NGHỊ

Đây là một bài nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu là mô tả cắt ngang nên chỉ có thể đánh giá tỷ lệ và mối tương quan giữa các biến đặc điểm cá nhân với biến mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên.

Cần mở rộng nghiên cứu hơn để tìm hiểu về mức độ hài lòng của các sinh viên khoa khác tại trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch cũng như là sinh viên ở các trường Đại học khác thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Đánh giá thêm những mối tương quan khác như là môi trường lâm sàng, nhân viên y tế trong

khoa, công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngoài việc cải thiện chương trình đào tạo còn là hoạt động giảng dạy của giảng viên do đó việc nâng cao sự hài lòng của sinh viên về hoạt động giảng dạy lâm sàng của giảng viên giúp cải thiện thành tích học tập của sinh viên tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Đinh Thị Thu Huyền, Vũ Thị Là, Vũ Hồng Nhung và Nguyễn Thị Lý** (2022). Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kết quả học tập của sinh viên Đại học điều dưỡng chính quy khóa 14, Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định năm học 2018 – 2019. Khoa học Điều dưỡng, tập 5 số 2.
2. **Hồ Thị Lan Vi, Dương Thị Ngọc Bích và Phạm Thị Thảo** (2020). Khảo sát sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân. Tạp chí khoa học và công nghệ đại học Duy Tân, 04(41), tr.128-136.
3. **Jansson, I., & Ene, K. W.** (2016). Nursing students' evaluation of quality indicators during learning in clinical practice. Nurse education in practice, 20, pp.17–22.
4. **Maleki, F., Talaei, M. H., Moqhadam, S. R. M., Shadiqo, S., Te** Influence of Teachers' Characteristics on the Teacher -Student Relations from Students' Perspective at Ilam University of Medical Sciences. Journal of clinical and diagnostic research: JCDR, 11(6), JC04–JC08.
5. **Ngô Lê Hoàng Giang** (2017). Nhận thức của sinh viên điều dưỡng về môi trường học tập lý thuyết và lâm sàng. Luận văn thạc sĩ Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh.
6. **Nguyễn Bích Như** (2022). Nghiên cứu đánh giá sự hài lòng của sinh viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên ở trường cao đẳng cộng đồng Sóc Trăng. Tạp chí Khoa học – Đại học Đồng Nai, Số 22.
7. **Nguyễn Thị Bích Thuận và Nguyễn Ngọc Trâm** (2018). Vai trò của cố vấn học tập trong việc nâng cao chất lượng học tập của sinh viên tại Trường Đại học Đồng Tháp. Tạp chí giáo dục, số đặc biệt tháng 9/2018, tr 54-58.
8. **Võ Thị Ngọc Hà, Lê Thị Trang, Đặng Thị Châu và Lê Thị Thanh Tuyền** (2021). Mối liên quan giữa hoạt động giảng dạy và sự hài lòng của sinh viên điều dưỡng với giảng viên hướng dẫn lâm sàng. Tạp Chí Khoa học Điều dưỡng, 4(2), tr.118–124.

KẾT CỤC THAI KÌ Ở SẢN PHỤ MẮC NHAU TIỀN ĐẠO NHẬP VIỆN TẠI BỆNH VIỆN SẢN NHI AN GIANG NĂM 2021- 2022

Lâm Đức Tâm¹, Ngô Thùy Hương², Phạm Đức Lộc¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nhau tiền đạo là một vấn đề lớn mà các nhà sản khoa phải đối mặt, tăng nguy cơ truyền máu, tổn thương cơ quan lân cận, Tỷ lệ cắt tử cung vì băng huyết sau sinh cao, dẫn đến tử suất mẹ cao, nhiều trường hợp phải nhập viện truyền máu do ra huyết âm đạo kéo dài, tăng nguy cơ tử vong chu sinh của bé cũng tăng cao do tăng Tỷ lệ sinh non, thai kém phát triển, suy thai... nên bệnh lý này đang là gánh nặng cho gia đình và xã hội. **Mục tiêu nghiên cứu:** Đánh giá kết quả xử trí sản phụ mắc nhau tiền đạo nhập viện tại Bệnh viện Sản Nhi An Giang. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích được thực hiện tại Bệnh viện Sản Nhi An Giang năm 2021-2022 ghi nhận có 44 trường hợp sản phụ mắc nhau tiền đạo. **Kết quả:** Tỷ lệ mổ lấy thai là 95,5%; có 2 trường hợp nhau tiền đạo sinh thường chiếm 4,5%. Tỷ lệ sản phụ bị nhau tiền đạo mổ chủ động chiếm 23,8% và mổ cấp cứu chiếm 76,2%. Lý do mổ lấy thai cấp cứu vì ra máu âm đạo chiếm 90,6%. Phương pháp thường dùng để cầm máu trong mổ lấy

thai là bó gòn chiếm 71,4%. Biến chứng của mẹ gồm: 1/44 trường hợp mổ lại lần 2 chiếm Tỷ lệ 2,3%, và sốc giảm thể tích chiếm 2,3%, không có trường hợp tử vong. Tỷ lệ trẻ sơ sinh <2000 gram là 11,4%, có 34,1% trẻ phải gửi đơn nguyên sơ sinh, không có trẻ nào tử vong. **Kết luận:** Sản phụ mắc nhau tiền đạo làm tăng nguy cơ mổ lấy thai, cắt tử cung cho mẹ và đồng thời làm tăng khả năng sinh non, thai nhẹ cân trên trẻ sơ sinh. **Từ khóa:** Nhau tiền đạo, nhau cài răng lược, kết cục thai kì.

SUMMARY

PREGNANCY OUTCOMES OF PREGNANT WOMEN WITH ANTENATAL PLACENTA PREVIA ADMITTED TO AN GIANG HOSPITAL OF OBSTETRICS GYNECOLOGY AND PEDIATRICS IN 2021 - 2022

Background: Placenta previa is a major problem that obstetricians face, increased risk of blood transfusion, nearby organs injured, high rates of hysterectomy due to maternal hemorrhage, leading to high maternal mortality. The perinatal mortality rate is also increased due to increased rates of preterm birth, fetal underdevelopment, and fetal distress. Therefore, the disease has been a burden for society. **Objectives:** Determine treatment result of placenta previa pregnancies hospitalized at An Giang Hospital of Obstetrics Gynecology and Pediatrics in 2021 - 2022. **Subjects and methods:** A descriptive cross-sectional study with analysis was performed at An Giang

¹Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ

²Bệnh viện Sản Nhi An Giang

Chịu trách nhiệm chính: Lâm Đức Tâm

Email: ldtam@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 6.7.2023

Ngày phản biện khoa học: 21.8.2023

Ngày duyệt bài: 11.9.2023